

Số: 84 /2018/VSC

Hải Phòng, ngày 20 tháng 08 năm 2018

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các quy định công bố thông tin của tổ chức niêm yết trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Container Việt Nam (mã chứng khoán: VSC) xin giải trình về việc Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sáu tháng đầu năm 2018 so với báo cáo cùng kỳ năm trước có biến động từ 10% trở lên trên **Báo cáo tài chính riêng** như sau:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017	Chênh lệch giảm	Tỷ lệ giảm (%)
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN	65.956.638.995	76.738.402.700	10.781.763.705	14

Nguyên nhân chủ yếu:

Trong 6 tháng đầu năm 2018, lợi nhuận từ các Công ty con ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính giảm so với 6 tháng đầu năm 2017. Ngoài ra, giá nhiên liệu và chi phí sửa chữa phương tiện, thiết bị cao hơn so với cùng kỳ năm trước. Đây là nguyên nhân chủ yếu làm cho lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp 6 tháng đầu năm 2018 giảm 10.781.763.705 đồng, tương ứng với giảm 14% so với 6 tháng đầu năm 2017.

Trân trọng.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Tiến

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT, TCKT



Công ty Cổ phần Container Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018



Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp

Số 0200453688

ngày 17 tháng 1 năm 2018

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 1 tháng 4 năm 2002. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 17 tháng 1 năm 2018.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Việt Hòa	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Tiến	Thành viên
Ông Trần Xuân Bạo	Thành viên
Bà Hoàng Thị Hà	Thành viên
Ông Hoàng Trọng Giang	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Trọng	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Trung	Thành viên
Ông Nghiêm Tuấn Anh	Thành viên
Ông Hoàng Tiến Lục	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Tiến	Tổng Giám đốc
Ông Trần Xuân Bạo	Giám đốc Tài chính
Ông Nguyễn Thế Trọng	Giám đốc Kỹ thuật

Trụ sở đăng ký

Số 11 Võ Thị Sáu, Phường Máy Tơ
Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Container Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 34 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc


Nguyễn Văn Tiến
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 17 tháng 8 năm 2018





KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Container Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Container Việt Nam (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 17 tháng 8 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 34.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – “Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện”.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Container Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 18-02-132-SX-R



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0306-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 17 tháng 8 năm 2018



Đoàn Thanh Toàn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3073-2014-007-1

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		396.325.214.784	373.915.932.458
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	7	154.311.394.271	155.214.790.494
Tiền	111		55.461.394.271	58.964.790.494
Các khoản tương đương tiền	112		98.850.000.000	96.250.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		232.251.143.171	212.611.055.390
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	83.199.250.491	49.864.620.723
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.153.208.615	1.409.271.540
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	38.810.195.596	38.219.712.252
Phải thu ngắn hạn khác	136	10	108.406.816.990	123.435.779.396
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(318.328.521)	(318.328.521)
Hàng tồn kho	140	11	8.402.783.723	5.541.484.762
Hàng tồn kho	141		8.402.783.723	5.541.484.762
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.359.893.619	548.601.812
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	17(a)	1.359.893.619	548.601.812
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		1.059.008.038.049	1.067.285.606.211
Các khoản phải thu dài hạn	210		100.792.611.067	105.278.289.439
Phải thu về cho vay dài hạn	215	9	100.739.611.067	105.225.289.439
Phải thu dài hạn khác	216		53.000.000	53.000.000
Tài sản cố định	220		95.545.293.364	110.748.100.622
Tài sản cố định hữu hình	221	12	87.394.500.692	101.982.838.500
Nguyên giá	222		425.302.211.202	425.302.211.202
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(337.907.710.510)	(323.319.372.702)
Tài sản cố định vô hình	227	13	8.150.792.672	8.765.262.122
Nguyên giá	228		12.528.615.791	12.528.615.791
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.377.823.119)	(3.763.353.669)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	14	852.653.707.286	839.253.707.286
Đầu tư vào công ty con	251		755.075.000.000	741.675.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252		97.423.707.286	97.423.707.286
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		155.000.000	155.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		10.016.426.332	12.005.508.864
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	10.016.426.332	12.005.508.864
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.455.333.252.833	1.441.201.538.669

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Container Việt Nam

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

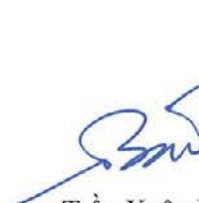
	Mã số	Thuyết minh	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		128.002.357.938	115.693.613.555
Nợ ngắn hạn	310		127.972.357.938	115.663.613.555
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	36.615.078.310	23.030.269.193
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.375.561.362	1.068.264.632
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17(b)	8.193.563.584	7.848.151.050
Phải trả người lao động	314		13.725.038.522	16.795.480.263
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.053.381.140	93.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	32.730.195.095	29.652.101.438
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	34.279.539.925	37.176.346.979
Nợ dài hạn	330		30.000.000	30.000.000
Phải trả dài hạn khác	337		30.000.000	30.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.327.330.894.895	1.325.507.925.114
Vốn chủ sở hữu	410	20	1.327.330.894.895	1.325.507.925.114
Vốn cổ phần	411	21	501.123.040.000	501.123.040.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		501.123.040.000	501.123.040.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		36.141.891.246	36.141.891.246
Quỹ đầu tư phát triển	418	23	646.734.369.757	604.734.369.757
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		143.331.593.892	183.508.624.111
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		77.374.954.897	96.678.466.483
- LNST chưa phân phối kỳ này/ năm nay	421b		65.956.638.995	86.830.157.628
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.455.333.252.833	1.441.201.538.669

Ngày 17 tháng 8 năm 2018

Người lập:


Trương Lý Thế Anh
Phó Phòng Kế toán

Người duyệt:


Trần Xuân Bạo
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Tiến
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	270.931.251.627	233.528.142.431
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	201.936.364.186	162.777.570.059
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		68.994.887.441	70.750.572.372
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	19.768.240.242	29.528.522.038
Chi phí tài chính	22		1.696	105.636.262
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	71.023.692
Chi phí bán hàng	25		85.000.000	75.000.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	8.992.604.125	8.766.425.926
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		79.685.521.862	91.332.032.222
Chi phí khác	32		35.372.696	721.369.625
Kết quả từ hoạt động khác (40 = - 32)	40		(35.372.696)	(721.369.625)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		79.650.149.166	90.610.662.597
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	13.693.510.171	13.872.259.897
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		65.956.638.995	76.738.402.700

Ngày 17 tháng 8 năm 2018

Người lập:



Trương Lý Thế Anh
 Phó Phòng Kế toán

Người duyệt:





Trần Xuân Bạo
 Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Tiến
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Container Việt Nam**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	79.650.149.166	90.610.662.597
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	15.202.807.258	14.755.104.045
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(142.516.398)	(103.483.058)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(19.570.327.397)	(28.692.959.446)
Chi phí lãi vay	06	-	71.023.692
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	75.140.112.629	76.640.347.830
Biến động các khoản phải thu	09	(9.664.153.436)	26.573.935.706
Biến động hàng tồn kho	10	(2.861.298.961)	(290.732.316)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	18.455.509.324	(40.360.037.980)
Biến động chi phí trả trước	12	1.989.082.532	2.624.867.463
		83.059.252.088	65.188.380.703
Tiền lãi vay đã trả	14	-	(71.023.692)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(12.921.101.775)	(19.519.167.050)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(16.918.172.268)	(13.793.647.568)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	53.219.978.045	31.804.542.393
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	-	(14.230.335.893)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	-	2.863.636.364
Tiền chi cho vay	23	-	(58.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay	24	3.895.195.028	38.584.856.126
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(13.400.000.000)	(79.493.707.286)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	5.537.564.606	10.401.365.653
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.967.240.366)	(99.874.185.036)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Container Việt Nam**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018****(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(4.831.480.000)
Tiền trả cổ tức	36	(50.298.650.300)	(40.411.575)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(50.298.650.300)	(4.871.891.575)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(1.045.912.621)	(72.941.534.218)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	155.214.790.494	243.478.527.502
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	142.516.398	83.599.120
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 7)	70	154.311.394.271	170.620.592.404

Ngày 17 tháng 8 năm 2018

Người lập:

Trương Lý Thế Anh
Phó Phòng Kế toán

Người duyệt:

Trần Xuân Bạo
Kế toán trưởngNguyễn Văn Tiến
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Container Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, các hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Bảo dưỡng sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Cho thuê xe có động cơ; và
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và 1 tháng 1 năm 2018, Công ty có 6 công ty con và 3 công ty liên kết.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 bao gồm Văn phòng Công ty Cổ phần Container Việt Nam, Xí nghiệp Cảng Viconship và hai chi nhánh là Chi nhánh Quảng Ninh và Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty có 294 nhân viên (1/1/2018: 274 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) và tỷ giá bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 7 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 10 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 5 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp được thể hiện theo nguyên giá và không được phân bổ do có thời hạn không xác định. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với giá gốc của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Giá gốc của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu phổ thông vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(o) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có thay đổi trọng yếu trong các ước tính kế toán so với các ước tính đã được thực hiện trong báo cáo tài chính năm gần nhất.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Các khoản mục bất thường

Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

6. Các thay đổi trong cơ cấu của đơn vị

Không có thay đổi trong cơ cấu của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

7. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Tiền mặt	2.952.701.289	1.865.222.387
Tiền gửi ngân hàng	52.508.692.982	57.099.568.107
Các khoản tương đương tiền	98.850.000.000	96.250.000.000
	154.311.394.271	155.214.790.494

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn và khách hàng là các bên liên quan:

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
<i>Khách hàng là các bên liên quan</i>		
Các công ty con		
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi Sao xanh	11.571.006.038	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh	6.170.538.918	1.724.975.553
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	4.566.100.282	5.136.010.525
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	1.479.888.152	-
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	4.267.044.650	-
Công ty TNHH Tuyến container T.S. Hà Nội	-	43.793.750
<i>Khách hàng là các bên thứ ba</i>		
Chi nhánh Công ty TNHH Cosco Shipping Lines Việt Nam tại Hải Phòng	11.108.893.229	4.645.889.968
Công ty TNHH APL-NOL Việt Nam	6.392.960.364	3.530.264.488
Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	5.822.218.087	5.524.636.264
Công ty Cổ phần CMA - CGM Việt Nam	4.719.063.731	1.937.950.522
Công ty TNHH S5 ASIA	3.425.561.993	1.707.335.420
Công ty Dịch vụ Hàng hải Phương Đông (Orimas)	3.092.284.677	2.468.771.377
Công ty Cổ phần Transimex	2.701.370.524	2.615.171.770
Các khách hàng khác	17.882.319.846	20.529.821.086
	83.199.250.491	49.864.620.723

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

9. Phải thu về cho vay

Phải thu về cho vay từ các công ty con
 Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP (i)

- Khoản gốc cho vay

Công ty Cổ phần Container Miền Trung (ii)

- Khoản gốc cho vay

Công ty TNHH MTV Vận tải biển
 Ngôi sao Xanh (iii)

- Khoản gốc cho vay

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và
 Phát triển Xanh (iv)

- Khoản gốc cho vay

	Ngắn hạn VND	30/6/2018 Dài hạn VND	Tổng cộng VND	Ngắn hạn VND	1/1/2018 Dài hạn VND	Tổng cộng VND
	21.908.694.424	44.817.388.847	66.726.083.271	25.890.433.308	41.835.649.963	67.726.083.271
	1.879.278.948	-	1.879.278.948	1.879.278.944	939.639.476	2.818.918.420
	5.022.222.224	7.922.222.220	12.944.444.444	4.450.000.000	10.450.000.000	14.900.000.000
	10.000.000.000	48.000.000.000	58.000.000.000	6.000.000.000	52.000.000.000	58.000.000.000
	38.810.195.596	100.739.611.067	139.549.806.663	38.219.712.252	105.225.289.439	143.445.001.691

(i) Các khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo, hưởng lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố có cộng 0,5%/năm hoặc 1,8%/năm và được hoàn trả thành nhiều lần trong vòng 48 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn, thời gian ân hạn nợ gốc là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

(ii) Khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo, hưởng lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố có hiệu lực vào ngày giải ngân đầu tiên và các ngày đầu tiên của các kỳ trả lãi cộng 0,5%/năm và được hoàn trả thành nhiều lần trong vòng 33 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn, thời gian ân hạn nợ gốc là 3 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (iii) Các khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo, hưởng lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố có hiệu lực vào ngày giải ngân đầu tiên và các ngày đầu tiên của các kỳ trả lãi. Trong đó, các khoản cho vay được hoàn trả thành nhiều lần trong vòng 30 tháng và 54 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn, thời gian ân hạn nợ gốc là 6 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.
- (iv) Khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo, hưởng lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố có hiệu lực vào ngày giải ngân đầu tiên và các ngày đầu tiên của các kỳ trả lãi cộng 0,5%/năm và được hoàn trả thành nhiều lần trong vòng 48 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn, thời gian ân hạn nợ gốc là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

10. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
<i>Phải thu khác từ các công ty con</i>		
Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistic Xanh	56.971.191.760	81.382.770.760
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao Xanh	23.198.811.957	19.394.633.264
Công ty TNHH MTV Viconship Hồ Chí Minh	15.760.329.689	15.531.679.412
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh	2.174.566.667	2.881.666.667
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	1.982.500.000	-
	100.087.400.073	119.190.750.103
Các bên thứ ba	8.319.416.917	4.245.029.293
	108.406.816.990	123.435.779.396

Khoản phải thu khác từ các bên liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thể thu hồi khi có yêu cầu.

11. Hàng tồn kho

	30/6/2018 VND	Giá gốc 1/1/2018 VND
Nguyên vật liệu	7.706.759.581	4.790.037.652
Hàng hóa	696.024.142	751.447.110
	8.402.783.723	5.541.484.762

12. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	165.508.764.190	12.382.787.273	245.363.931.310	2.046.728.429	425.302.211.202
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	129.695.098.762	7.188.687.206	184.920.396.701	1.515.190.033	323.319.372.702
Khấu hao trong kỳ	5.472.510.429	769.692.001	8.291.211.780	54.923.598	14.588.337.808
Số dư cuối kỳ	135.167.609.191	7.958.379.207	193.211.608.481	1.570.113.631	337.907.710.510
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	35.813.665.428	5.194.100.067	60.443.534.609	531.538.396	101.982.838.500
Số dư cuối kỳ	30.341.154.999	4.424.408.066	52.152.322.829	476.614.798	87.394.500.692

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 có các tài sản với nguyên giá 159.238 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2018: 151.062 triệu VND).

13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	5.417.853.001	7.110.762.790	12.528.615.791
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	-	3.763.353.669	3.763.353.669
Khấu hao trong kỳ	-	614.469.450	614.469.450
Số dư cuối kỳ	-	4.377.823.119	4.377.823.119
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	5.417.853.001	3.347.409.121	8.765.262.122
Số dư cuối kỳ	5.417.853.001	2.732.939.671	8.150.792.672

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và 1 tháng 1 năm 2018 có các tài sản với nguyên giá 966 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/6/2018				1/1/2018			
	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc (**) VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết
Đầu tư góp vốn vào:								
Công ty con								
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	Hải Phòng		100%	100%	40.000.000.000		100%	100%
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	Đà Nẵng	1.982.500	65%	65%	19.825.000.000	1.982.500	65%	65%
Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh		100%	100%	6.000.000.000		100%	100%
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistic Xanh	Hải Phòng		100%	100%	90.000.000.000		100%	100%
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	Hải Phòng	47.025.000	74%	74%	518.850.000.000	47.025.000	74%	74%
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh (*)	Hải Phòng	8.040.000	66,34%	66,34%	80.400.000.000	6.700.000	66,34%	66,34%
					755.075.000.000			741.675.000.000
Công ty liên kết								
Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	Đà Nẵng	1.332.000	31%	31%	14.430.000.000	1.332.000	31%	31%
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	Hải Phòng	8.820.200	22%	22%	80.991.207.286	8.820.200	22%	22%
Công ty TNHH Tuyến Container T.S. Hà Nội	Hải Phòng		30%	30%	2.002.500.000		30%	30%
					97.423.707.286			97.423.707.286
Đơn vị khác								
Công ty TNHH MSC Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh		5%	5%	155.000.000		5%	5%
					852.653.707.286			839.253.707.286

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Trong năm 2018, Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh đã phát hành tăng vốn điều lệ. Ngày 26 tháng 6 năm 2018, Công ty đã thực hiện quyền mua đối với phần phát hành tăng vốn tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh mà Công ty được mua, số tiền là 13.400.000.000 VND. Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh không thay đổi.
- (**) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	7.786.942.285	4.218.566.579	12.005.508.864
Tăng trong kỳ	2.498.525.500	8.793.119.904	11.291.645.404
Phân bổ trong kỳ	(5.909.719.950)	(7.371.007.986)	(13.280.727.936)
Số dư cuối kỳ	4.375.747.835	5.640.678.497	10.016.426.332

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

16. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn và người bán là các bên liên quan:

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
<i>Người bán là các bên liên quan</i>		
Các công ty con		
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao Xanh	2.753.842.500	2.582.941.701
Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh	2.717.866.827	2.515.979.881
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh	73.007.000	601.308.159
Công ty TNHH MTV Viconship Hồ Chí Minh	138.450.000	381.536.000
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	385.913.000	-
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	125.623.000	-
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	12.916.324.723	4.606.979.560
<i>Người bán là các bên thứ ba</i>		
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Anh Thúy	2.999.695.918	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Hải Phòng	2.944.681.740	4.812.510.940
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Kho vận Hồng Quân	2.751.771.000	1.271.031.300
Công ty TNHH Xây dựng Chấn Nam	1.478.780.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ VOSCO	1.100.873.686	906.255.625
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Song Nguyễn	760.773.610	499.764.350
Các nhà cung cấp khác	5.467.475.306	4.851.961.677
	36.615.078.310	23.030.269.193

Các khoản phải trả người bán là các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi được yêu cầu.

17. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	1/1/2018 VND	Số phát sinh tăng trong kỳ VND	Số đã khấu trừ trong kỳ VND	30/6/2018 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	548.601.812	16.238.466.394	(15.427.174.587)	1.359.893.619

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2018 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã khấu trừ trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/6/2018 VND
Thuế giá trị gia tăng	368.747.234	16.889.134.179	(15.427.174.587)	(1.527.950.842)	302.755.984
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.669.920.797	13.693.510.171	-	(12.921.101.775)	5.442.329.193
Thuế thu nhập cá nhân	2.333.036.536	2.853.432.709	-	(4.724.892.653)	461.576.592
Các loại thuế khác	476.446.483	6.337.714.239	-	(4.827.258.907)	1.986.901.815
	7.848.151.050	39.773.791.298	(15.427.174.587)	(24.001.204.177)	8.193.563.584

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
<i>Phải trả các công ty con</i>		
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao Xanh	1.954.080.671	2.354.567.292
Công ty TNHH MTV Viconship Hồ Chí Minh	951.648.027	-
Công ty Cổ phần Container Miền trung	830.927.053	-
<i>Phải trả các bên thứ ba</i>		
Các khoản thu hộ hãng tàu	24.205.307.275	21.591.515.162
Kinh phí công đoàn	1.839.658.386	2.434.829.433
Cổ tức phải trả	857.748.350	1.044.094.650
Phải trả khác	2.090.825.333	2.227.094.901
	32.730.195.095	29.652.101.438

Khoản phải trả các công ty con không được đảm bảo, không chịu lãi suất và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Số dư đầu kỳ	37.176.346.979	38.057.956.953
Trích lập trong kỳ	11.793.365.214	16.839.314.770
Sử dụng trong kỳ	(14.690.172.268)	(11.898.647.568)
Số dư cuối kỳ	34.279.539.925	42.998.624.155

Công ty Cổ phần Container Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2017	455.571.420.000	36.141.891.246	595.470.662.363	215.785.250.647	1.302.969.224.256
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	76.738.402.700	76.738.402.700
Phân bổ vào các quỹ	-	-	9.263.707.394	(9.263.707.394)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(16.839.314.770)	(16.839.314.770)
Cổ tức	-	-	-	(45.557.142.000)	(45.557.142.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(1.895.000.000)	(1.895.000.000)
Số dư tại ngày 30/6/2017	455.571.420.000	36.141.891.246	604.734.369.757	218.968.489.183	1.315.416.170.186
Số dư tại ngày 1/1/2018	501.123.040.000	36.141.891.246	604.734.369.757	183.508.624.111	1.325.507.925.114
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	65.956.638.995	65.956.638.995
Phân bổ vào các quỹ	-	-	42.000.000.000	(42.000.000.000)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(11.793.365.214)	(11.793.365.214)
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	(50.112.304.000)	(50.112.304.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(2.228.000.000)	(2.228.000.000)
Số dư tại ngày 30/6/2018	501.123.040.000	36.141.891.246	646.734.369.757	143.331.593.892	1.327.330.894.895

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2018		1/1/2018	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	50.112.304	501.123.040.000	50.112.304	501.123.040.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	50.112.304	501.123.040.000	50.112.304	501.123.040.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	50.112.304	501.123.040.000	50.112.304	501.123.040.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

22. Cổ tức

Ngày 30 tháng 3 năm 2018, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty phê duyệt việc phân phối khoản cổ tức bằng tiền cho năm 2017 với mức 20% mệnh giá cổ phần (2.000 VND trên một cổ phiếu) với tổng giá trị 95.669 triệu VND (2017: 45.557 triệu VND (1.000 VND trên một cổ phiếu)).

Theo đó, ngày 29 tháng 11 năm 2017, Công ty đã tạm ứng cổ tức bằng tiền đợt 1 cho năm 2017 với mức 10% mệnh giá cổ phần (1.000 VND trên một cổ phiếu) với tổng giá trị 45.557 triệu VND. Ngày 6 tháng 4 năm 2018, Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt trả cổ tức bằng tiền đợt 2 cho năm 2017 với giá trị 50.112 triệu VND.

23. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Trong vòng một năm	3.891.736.800	3.260.944.800
Trong vòng hai đến năm năm	15.566.947.200	13.043.779.200
Sau năm năm	24.995.980.346	23.075.431.812
	44.454.664.346	39.380.155.812

(b) Ngoại tệ các loại

	30/6/2018		1/1/2018	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	942.962	21.503.724.968	539.279	12.224.018.236

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng. Doanh thu bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	26.738.485.423	17.402.318.161
Doanh thu cung cấp dịch vụ	244.192.766.204	216.125.824.270
	270.931.251.627	233.528.142.431

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

26. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	25.761.322.805	16.741.889.073
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	176.175.041.381	146.035.680.986
	201.936.364.186	162.777.570.059

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	7.490.511.480	7.827.398.986
Cổ tức và lợi nhuận được chia	12.079.815.917	21.586.930.085
Lãi chênh lệch tỷ giá	197.912.845	114.192.967
	19.768.240.242	29.528.522.038

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Chi phí nhân viên	4.589.919.101	3.636.398.183
Chi phí khấu hao	-	227.522.052
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.835.707.357	3.676.090.501
Chi phí khác	566.977.667	1.226.415.190
	8.992.604.125	8.766.425.926

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

29. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	31.064.560.089	17.220.414.711
Chi phí nhân viên	30.694.121.551	26.440.492.774
Chi phí khấu hao	15.202.807.258	14.755.104.045
Chi phí dịch vụ mua ngoài	116.095.350.169	99.255.683.266
Chi phí khác	17.957.129.244	13.947.301.189

30. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Kỳ hiện hành	13.640.752.516	13.872.259.897
Dự phòng thiếu trong những năm trước	52.757.655	-
	13.693.510.171	13.872.259.897

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	79.650.149.166	90.610.662.597
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	15.930.029.833	18.122.132.519
Ảnh hưởng của chi phí không được khấu trừ thuế	126.685.866	67.513.395
Ảnh hưởng của thu nhập không bị tính thuế	(2.415.963.183)	(4.317.386.017)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	52.757.655	-
	13.693.510.171	13.872.259.897

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế năm 2018 (năm 2017: 20%).

31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Công ty con		
<i>Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh</i>		
Bán hàng hóa	13.069.469.886	8.619.221.251
Cung cấp dịch vụ	1.353.509.280	1.267.246.636
Sử dụng dịch vụ	13.407.264.783	10.768.721.227
Lợi nhuận được chia từ công ty con	9.868.665.640	10.029.223.163
Nhận tiền trả gốc vay	1.955.555.556	700.000.000
Lãi cho vay	377.623.889	231.291.667
<i>Công ty Cổ phần Container Miền Trung</i>		
Lợi nhuận được chia từ công ty con	1.982.500.000	-
Nhận tiền trả gốc vay	939.639.472	939.639.472
Lãi cho vay	90.753.512	158.772.970
<i>Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh</i>		
Sử dụng dịch vụ	520.082.727	-
Mua cổ phiếu Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ		
Dầu khí Đình Vũ	-	8.365.193.750
Lợi nhuận được chia từ công ty con	228.650.277	-
<i>Công ty TNHH Một thành viên Bến Xanh</i>		
Bán hàng hóa	-	1.443.625.791
Cung cấp dịch vụ	-	240.000.000
Sử dụng dịch vụ	-	4.644.428.241
Lợi nhuận được chia từ công ty con	-	8.165.906.922
Mua cổ phiếu Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ		
Dầu khí Đình Vũ	-	2.126.013.536
<i>Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistic Xanh</i>		
Bán hàng hóa	2.915.562.285	2.289.609.077
Cung cấp dịch vụ	1.283.778.400	1.334.638.741
Sử dụng dịch vụ	17.462.909.359	16.794.141.762

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Giá trị giao dịch
Kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30/6/2018 30/6/2017
VND VND

Công ty Cổ phần Cảng xanh VIP

Bán hàng hóa	6.960.572.518	5.049.862.042
Cung cấp dịch vụ	10.161.235.377	9.717.255.512
Sử dụng dịch vụ	1.216.545.000	2.920.881.408
Nhận tiền trả gốc vay	1.000.000.000	11.945.216.654
Lãi cho vay	2.537.909.472	3.539.580.217

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển xanh

Góp vốn	13.400.000.000	67.000.000.000
Cho vay dài hạn	-	58.000.000.000
Lãi cho vay nhập gốc cho vay	-	817.833.333
Bán hàng hóa	3.792.880.734	-
Cung cấp dịch vụ	126.000.000	-
Sử dụng dịch vụ	2.028.449.755	-
Lãi cho vay	2.037.733.333	-

Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ

Sử dụng dịch vụ	31.190.451.791	16.284.196.114
Cung cấp dịch vụ	6.867.063.800	215.192.000

Công ty Cổ phần Cảng Logistics Đà Nẵng

Nhận cổ tức	-	2.641.800.000
-------------	---	---------------

Công ty TNHH Tuyển Container T.S. Hà Nội

Góp vốn	-	2.002.500.000
Cung cấp dịch vụ	159.425.000	238.647.500
Sử dụng dịch vụ	871.977.440	-

Thành viên Ban Giám đốc

Tiền lương và thưởng	1.969.720.226	1.605.302.895
----------------------	---------------	---------------

Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Thù lao và thưởng	2.228.000.000	1.895.000.000
-------------------	---------------	---------------

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

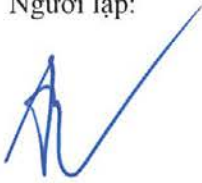
Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Công ty.

Ngày 17 tháng 8 năm 2018

Người lập:



Trương Lý Thế Anh
Phó Phòng Kế toán

Người duyệt:



Trần Xuân Bạo
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Tiến
Tổng Giám đốc